

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 09-5-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 389/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 164/TB-TA ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Linh D Greeningdon Drive H. Ont L9A39, Canada; vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường (UBND) N, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 12 năm 2004. Trong những năm đầu chung sống, vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nên vợ chồng chị đã ly hôn vào ngày 21/8/2023. Sau một thời gian, vợ chồng quyết định hàn gắn mâu thuẫn và đăng ký kết hôn lại vào ngày 04/10/2023 tại UBND thị trấn C, huyện C, Hải Phòng. Về sống với nhau một thời gian ngắn, vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, sau đó anh Lê Văn T1 sang Canada sinh sống và làm việc. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị T làm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Lê Trọng N, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Lê Minh T2, sinh ngày 17/9/2010. Ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh Lê Văn T1 cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh Thạch tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai gửi cho Tòa án, bị đơn là anh Lê Văn T1 trình bày như sau:*

Anh Lê Văn T1 và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận và sinh được 02 con. Bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Sau đó vợ chồng anh đã ly hôn vào ngày 21/8/2023. Sau một thời gian, vợ chồng quyết định hàn gắn mâu thuẫn và đăng ký kết hôn lại vào ngày 04/10/2023 tại UBND thị trấn C, huyện C, Hải Phòng. Về sống với nhau một thời gian ngắn, vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn sau đó anh Lê Văn T1 sang Canada sinh sống và làm việc. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bản thân anh Lê Văn T1 nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn dù đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T1 và chị T có hai con chung là cháu Lê Trọng N, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Lê Minh T2, sinh ngày 17/9/2010. Ly hôn, anh T1

yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T1 và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Trọng N, sinh ngày 22/01/2008 và cháu Lê Minh T2, sinh ngày 17/9/2010 cho anh Lê Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, chị Lê Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Lê Văn T1. Anh Lê Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống ở Canada, chị Lê Thị T hiện nay có nơi cư trú tại thành phố Hải Phòng. Quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T1 mặt nhưng cùng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn C, huyện C, Hải Phòng** vào ngày 04/10/2023. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị cùng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly hôn tại Tòa án. Sau đó vợ chồng đoàn tụ và có đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ một thời gian ngắn, vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Hiện nay mỗi người ở một nơi, đã ly thân một thời gian dài, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị T** về việc xin ly hôn anh **Lê Văn T1**.

[4] Về con chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** có hai con chung là cháu **Lê Trọng N**, sinh ngày 22/01/2008 và cháu **Lê Minh T2**, sinh ngày 17/9/2010. Ly hôn, chị **T** và anh **T1** cùng yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con chung có nguyện vọng được ở với anh **T1**. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao hai con chung là cháu **Lê Trọng N**, sinh ngày 22/01/2008 và cháu **Lê Minh T2**, sinh ngày 17/9/2010 cho anh **Lê Văn T1** nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Lê Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị T**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị T** được ly hôn anh **Lê Văn T1**.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Lê Trọng N**, sinh ngày 22/01/2008 và cháu **Lê Minh T2**, sinh ngày 17/9/2010 cho anh **Lê Văn T1** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Lê Văn T1** không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000121 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị **Lê Thị T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị **Lê Thị T** (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh **Lê Văn T1** (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Mạnh Hùng - Cao Thị Hạ**

**Bùi Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyện**

**Đặng Hồ Điệp**





